

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động  
của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 782/2003/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Pháp chế, Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án NDTC, Viện KSNDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website của Chính phủ;
- Website Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, TCCB, VEPF.

**BỘ TRƯỞNG**

Phạm Khôi Nguyên

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT  
ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoạt động theo các quy định tại Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg ngày 03/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan của Nhà nước.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Tên gọi, trụ sở và phạm vi hoạt động**

1. Tên gọi:

Tên tiếng Việt: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Tên giao dịch quốc tế: Viet Nam Environment Protection Fund;

Viết tắt là: VEPF.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trụ sở chính đặt tại Hà Nội, có văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 3. Mục tiêu hoạt động**

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tiếp nhận các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước; các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn.

#### **Điều 4. Nguyên tắc tổ chức hoạt động**

1. Tổ chức của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam bao gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

a) Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các ủy viên là lãnh đạo cấp Vụ thuộc các cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định;

b) Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản lý Quỹ, kiểm soát hoạt động của Quỹ; các thành viên Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm và miễn nhiệm;

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc, một số Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ, các Văn phòng đại diện trực thuộc Quỹ. Đứng đầu Cơ quan điều hành nghiệp vụ là Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện mọi hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ và các quy định của Đảng.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

### **Chương II**

#### **NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ và vốn cấp bổ sung từ ngân sách nhà nước**

1. Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là 500 (năm trăm) tỷ đồng do ngân sách nhà nước cấp.

2. Hàng năm, ngân sách Nhà nước cấp bổ sung từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp môi trường để bù đắp kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm vốn hoạt động của Quỹ từ nguồn ngân sách duy trì thường xuyên ít nhất bằng 500 (năm trăm) tỷ đồng.

3. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **Điều 7. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác**

1. Ngoài vốn điều lệ và nguồn do ngân sách cấp bổ sung hàng năm từ kinh phí chi sự nghiệp môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được tiếp nhận các nguồn vốn hoạt động bổ sung hàng năm gồm:

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật;

b) Các khoản tiền đền bù thiệt hại về môi trường của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Lệ phí bán CERs (CERs là tên viết tắt của chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận, 1 CERs được xác định bằng 1 tấn khí CO<sub>2</sub> tương đương);

đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

e) Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tiếp nhận các nguồn vốn bổ sung hàng năm được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **Chương III**

#### **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

**Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính**

1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư hoặc phương án đề nghị tài trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; dự án đầu tư thực hiện việc phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng có phạm vi ảnh hưởng lớn (sau đây gọi chung là các dự án đầu tư).

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ.

Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện đối với từng phương thức hỗ trợ tài chính quy định tại Điều lệ này.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án và các hoạt động bảo vệ môi trường dưới các hình thức:

a) Cho vay với lãi suất ưu đãi;

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vay vốn cho các dự án môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;

c) Tài trợ kinh phí cho việc xây dựng, triển khai các dự án huy động nguồn vốn của Quỹ nhằm thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra; cho các chương trình, kế hoạch, dự án theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; cho việc tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường được quy định tại Điều lệ này;

d) Hợp tác với các tổ chức tài chính, các quỹ môi trường trong và ngoài nước để đồng tài trợ, cho vay vốn các dự án môi trường phù hợp với các tiêu chí và chức năng của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

e) Chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là CDM); thực hiện trợ giá cho các sản phẩm của dự án CDM theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Cho vay với lãi suất ưu đãi**

1. Đối tượng vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư thuộc Danh mục quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả và có lãi. Các đối tượng vay vốn phải bảo đảm các yêu cầu:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng;

b) Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

3. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ thực hiện theo quy định của Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Mức vốn cho vay và thẩm quyền quyết định mức cho vay:

a) Bộ Tài chính hướng dẫn quy định về mức vốn cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

b) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính, Giám đốc Quỹ quyết định cho vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép và phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

5. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 10 (mười) năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

6. Lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Giám đốc Quỹ quyết định đối với từng dự án vay vốn cụ thể thuộc đối tượng quy định tại Điều 8 Điều lệ này nhưng không vượt quá mức trần lãi suất áp dụng đối với các khoản cho vay với lãi suất ưu đãi của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Bộ Tài chính quy định.

#### 7. Bảo đảm tiền vay:

a) Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với từng dự án đầu tư sẽ do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến của các thành viên Ban điều hành Quỹ.

#### 8. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay:

a) Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay;

b) Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### 9. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:

Đối với các trường hợp Chủ đầu tư có dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam gặp phải rủi ro do nguyên nhân chủ quan làm tổn thất tài sản dẫn tới việc không trả nợ đúng hạn cho Quỹ thì tùy từng trường hợp cụ thể, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ, Giám đốc Quỹ xem xét quyết định việc gia hạn nợ hoặc khởi kiện Chủ đầu tư ra tòa án.

Đối với các trường hợp khi Chủ đầu tư có dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ gặp rủi ro từ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì được xử lý như sau:

a) Dự án gặp rủi ro từ nguyên nhân như: thiên tai, hỏa hoạn; làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại và chủ đầu tư không còn khả năng trả nợ hoặc giảm khả năng trả nợ, thì chủ đầu tư sử dụng toàn bộ số tiền bảo hiểm được bồi thường từ cơ quan bảo hiểm (nếu có) để trả nợ cho Quỹ. Số nợ còn lại được xem xét gia hạn nợ, giảm hoặc miễn lãi tiền vay, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ tùy theo mức độ thiệt hại của dự án và khả năng trả nợ thực tế của chủ đầu tư.

Giám đốc Quỹ kiểm tra, xác nhận khả năng trả nợ của Chủ đầu tư, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc xóa nợ một phần hay toàn bộ nợ vay của dự án cho chủ đầu tư.

Đối với dự án đã được quyết định xóa nợ một phần, số nợ vay còn lại có thể được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét theo thẩm quyền để miễn, giảm lãi tiền vay hoặc gia hạn nợ, khoan nợ tùy thuộc vào khả năng trả nợ thực tế của chủ đầu tư;

b) Dự án gặp rủi ro do chính sách Nhà nước thay đổi thì được xem xét gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ của một dự án không được vượt quá 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng. Giám đốc Quỹ quyết định việc gia hạn nợ trong khung thời gian quy định. Trường hợp đặc biệt, nếu chủ đầu tư đề nghị gia hạn nợ vượt khung thời gian quy định, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm kiểm tra xác nhận nhu cầu gia hạn nợ trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định.

Nếu sau khi đã gia hạn nợ mà dự án vẫn tiếp tục gặp khó khăn thì được xem xét giảm hoặc miễn lãi tiền vay. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc giảm hoặc miễn lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay mà chủ đầu tư vẫn không có khả năng trả nợ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định việc khoan nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

c) Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp thiệt hại rủi ro trong các trường hợp xóa nợ, khoan nợ quy định tại Điều này. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xin gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay, khoan nợ, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ nợ vay thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

#### **Điều 10. Hỗ trợ lãi suất vay vốn**

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư thuộc Danh mục quy định tại Điều 8 của Điều lệ này có vay vốn của tổ chức tín dụng khác thì được xem xét hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Việc cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn được tiến hành mỗi năm một lần trên cơ sở số nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án mà chủ đầu tư đã trả cho tổ chức tín dụng (không bao gồm các khoản nợ quá hạn).

3. Điều kiện để các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét hỗ trợ lãi suất vay vốn:

a) Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho tổ chức tín dụng;

b) Dự án được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trung ương hoặc địa phương xác nhận đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết được các vấn đề môi trường;

c) Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn và thẩm quyền quyết định:

a) Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tối đa không quá 50% lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng chủ đầu tư đã ký với tổ chức tín dụng, đồng thời không vượt quá mức trần lãi suất áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Bộ Tài chính thông báo tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất;

b) Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ lãi suất vay trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức quyết định của Giám đốc Quỹ sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

#### **Điều 11. Bảo lãnh vay vốn**

1. Trong một số trường hợp đặc biệt theo yêu cầu nhiệm vụ được Hội đồng quản lý thông qua, các đối tượng vay vốn của tổ chức tín dụng khác ngoài Quỹ để thực hiện các dự án bảo vệ môi trường được xem xét bảo lãnh vay vốn.

2. Điều kiện để Chủ đầu tư có dự án đầu tư được bảo lãnh vay vốn:

a) Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

b) Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam chấp thuận;

c) Có tài sản bảo đảm bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam chấp nhận.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin bảo lãnh vay vốn, ký kết hợp đồng bảo lãnh và giám sát quá trình bảo lãnh vay vốn được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Mức bảo lãnh và thẩm quyền quyết định mức bảo lãnh:

a) Mức bảo lãnh vay vốn đối với một dự án không vượt quá mức vốn vay;

b) Giám đốc Quỹ quyết định mức bảo lãnh vay vốn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức quyết định của Giám đốc Quỹ sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Thời hạn bảo lãnh vay vốn được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thoả thuận giữa Chủ đầu tư với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay quy định của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

6. Chủ đầu tư được bảo lãnh vay vốn phải trả cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam một khoản phí bảo lãnh tính bằng phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Trích lập dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn:

Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được trích dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn tính bằng phần trăm (%) trên tổng số vốn vay được bảo lãnh để dự phòng trả cho các tổ chức tín dụng khi Chủ đầu tư được bảo lãnh không trả nợ đúng hạn, nếu cuối năm không sử dụng hết, thì số vốn này được chuyển thành nguồn vốn cho vay năm sau. Trường hợp số vốn dự



phòng không đủ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Mức trích lập dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### 8. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động bảo lãnh vốn vay:

Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động bảo lãnh vốn vay để bù đắp các tổn thất do không thu hồi được vốn đã trả cho các tổ chức tín dụng khi chủ đầu tư được bảo lãnh vay vốn không trả nợ đúng hạn. Tỷ lệ trích lập quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### 9. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:

Khi Chủ đầu tư có dự án đầu tư được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam bảo lãnh vay vốn của tổ chức tín dụng khác gặp phải rủi ro không trả nợ đúng hạn cho tổ chức tín dụng cấp vốn mà không được tổ chức tín dụng cho hoãn, gia hạn nợ và Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam phải trả nợ thay Chủ đầu tư theo cam kết ghi trong thư bảo lãnh, thì được xử lý như sau:

a) Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh, phải yêu cầu Chủ đầu tư ký khế ước nhận nợ vay với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam về số tiền trả nợ thay; đồng thời tiến hành ngay các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi vốn hoặc khởi kiện nếu Chủ đầu tư cố tình không thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định việc tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động bảo lãnh vay vốn được sử dụng để bù đắp các thiệt hại trong trường hợp tài sản cầm cố, thế chấp sau khi xử lý vẫn không thu hồi đủ số tiền đã trả nợ thay. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Điều 12. Tài trợ và đồng tài trợ**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường sau:

a) Phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng, triển khai các dự án huy động nguồn vốn của Quỹ nhằm thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra;

c) Các chương trình, kế hoạch, dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

g) Các dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Điều lệ này.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đồng tài trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Điều kiện để các chương trình, dự án, hoạt động môi trường được tài trợ và đồng tài trợ:

a) Chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xác nhận thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với dự án đầu tư bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư phải có vốn đối ứng ít nhất là 50% tổng kinh phí đầu tư để thực hiện dự án đó;

c) Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin tài trợ và đồng tài trợ, giám sát quá trình tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

5. Mức tài trợ và thẩm quyền quyết định mức tài trợ:

a) Mức vốn tài trợ tối đa bằng 50% tổng chi phí để thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường xin tài trợ và phải phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép;

b) Giám đốc Quỹ quyết định mức tài trợ trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định.

6. Quỹ được sử dụng vốn hoạt động bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ. Việc sử dụng nguồn vốn bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 13. Nhận uỷ thác và uỷ thác hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các dự án bảo vệ môi trường**

1. Nhận uỷ thác:

a) Quỹ được nhận uỷ thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận uỷ thác;

b) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

2. Uỷ thác:

a) Quỹ được quyền uỷ thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng uỷ thác;

b) Các tổ chức nhận uỷ thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng uỷ thác.

#### **Điều 14. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

2. Trình tự, thủ tục nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Mua trái phiếu Chính phủ**

1. Quỹ được phép sử dụng vốn nhàn rỗi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật, trên cơ sở đồng ý của tổ chức, cá nhân cung cấp vốn đó.

2. Tổng mức vốn để mua trái phiếu Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá 50% tổng số vốn nhàn rỗi.

#### **Điều 16. Tham gia dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có nhiệm vụ:

a) Tổ chức đăng ký, theo dõi và quản lý các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính (CERs);

b) Tổ chức đăng ký nhận, phân chia và bán CERs với các chủ sở hữu CERs hoặc đầu mối tiếp nhận CERs;

c) Thu lệ phí bán CERs và chuyển CERs ra nước ngoài.

Mức thu phí tính bằng tỷ lệ % trên tổng giá trị thị trường của số lượng CERs giao dịch tại thời điểm thực hiện giao dịch.

2. Lệ phí thu được từ việc bán CERs hoặc chuyển CERs ra nước ngoài được sử dụng để:

a) Hỗ trợ tài chính cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về cơ chế phát triển sạch (gọi tắt là CDM);

b) Lập, xây dựng, thẩm định, phê duyệt tài liệu dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (gọi tắt là dự án CDM);

c) Quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM và các mục đích khác liên quan đến CDM;

d) Trợ giá cho các sản phẩm của dự án CDM.

3. Mức thu lệ phí bán CERs và chuyển CERs ra nước ngoài; việc quản lý, sử dụng tiền lệ phí bán CERs thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Việc trợ giá cho các sản phẩm của dự án CDM (điều kiện, mức trợ giá và thời gian trợ giá) thực hiện theo hướng dẫn của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 17. Tham gia các chương trình, dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam huy động các nguồn lực cần thiết để tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án bảo vệ môi trường trọng điểm theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hội đồng quản lý Quỹ chỉ đạo Giám đốc Quỹ tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và nhiệm vụ khác theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Điều 18. Giám sát, kiểm tra vốn cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vốn vay, tài trợ và đồng tài trợ**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn của Quỹ trong quá trình triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường để đảm bảo việc sử dụng vốn của Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng đã được cam kết trong các hợp đồng, văn bản tài liệu đã ký kết giữa các tổ chức, cá nhân này và Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Trường hợp phát hiện các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam có quyền rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vốn vay, tài trợ và đồng tài trợ đối với các chủ đầu tư và khởi kiện tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các chủ đầu tư sử dụng vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 19. Mời chuyên gia**

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được mời các chuyên gia của các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

**Điều 20. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, Quỹ môi trường toàn cầu (GEF), các quỹ môi trường nước ngoài, các quỹ môi trường ngành, địa phương để thực hiện việc

đồng tài trợ, cho vay vốn đối với các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của Điều lệ này.

3. Giám đốc Quỹ quyết định việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân trong nước.

Việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi đã báo cáo và có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

## **Chương IV** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **Mục 1** **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

#### **Điều 21. Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ có Chủ tịch và 06 (sáu) ủy viên. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; các ủy viên là đại diện lãnh đạo cấp Vụ từ các cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Căn cứ vào đề nghị của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

4. Nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý là 05 (năm) năm. Hết nhiệm kỳ ủy viên Hội đồng quản lý có thể được bổ nhiệm lại.

5. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không trung thực trong phạm vi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;
- d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Ủy viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

- a) Xin từ chức;
- b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
- c) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc;
- d) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều này.

## **Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

2. Quyết định kế hoạch phát triển, định hướng các hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

4. Chấp thuận việc thành lập, giải thể Văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

5. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

6. Ban hành các văn bản quy định về quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát;

7. Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tín dụng đầu tư, Điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các quyết định của Hội đồng quản lý;

8. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, xem xét các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát;

9. Xem xét, quyết định các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và quyết toán hàng năm của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

10. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

11. Hội đồng quản lý sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ;

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các ủy viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ;

2. Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

3. Ký, ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

4. Triệu tập, chủ trì và phân công ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý;

5. Ủy quyền cho ủy viên Hội đồng quản lý thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ủy viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền;

6. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát;

7. Phân cấp quản lý cho Giám đốc Quỹ về các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 24. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể; ba tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ.

Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường theo đề nghị của bất kỳ ủy viên nào của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền cho một ủy viên trong Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc ủy viên được ủy quyền có trách nhiệm gửi thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng ủy viên Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và dự thảo quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của ủy viên.

Giám đốc Quỹ tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, có quyền thảo luận và nêu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là họp lệ khi ít nhất có 5/7 ủy viên có mặt. Ủy viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến tay Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được ghi thành biên bản. Biên bản họp là căn cứ để Hội đồng quản lý ban hành các nghị quyết và các văn bản theo quy định.

Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số ủy viên tham dự biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

4. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ không có ủy viên

tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức cơ quan đó tham dự phiên họp. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.

5. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam giao Giám đốc Quỹ hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

6. Các ủy viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

## **Mục 2**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 25. Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ chuyên trách và có tối đa 05 (năm) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư và bảo vệ môi trường, hiểu biết pháp luật, không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật;

b) Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

a) Kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng quản lý trong hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

b) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Định kỳ hàng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ;



c) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ khi xét thấy cần thiết để báo cáo Hội đồng quản lý, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

d) Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ, thuê chuyên gia tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình;

đ) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

### Mục 3

#### CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ

##### **Điều 26. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ**

1. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ, Văn phòng đại diện trực thuộc Quỹ.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban nghiệp vụ giúp việc Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ.

2. Điều hành mọi hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ là Giám đốc Quỹ, giúp việc Giám đốc có Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

##### **Điều 27. Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam**

1. Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ ở trong và ngoài nước; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ này;

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Quỹ;

3. Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

**Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam**

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường giao cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

2. Tổ chức, điều hành hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ; quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ;

3. Chủ trì xây dựng quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

4. Quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vay vốn, tài trợ và đồng tài trợ, và các hoạt động nghiệp vụ khác theo các quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi do Chủ tịch Hội đồng quản lý phân cấp;

5. Tiếp nhận vốn và các nguồn lực khác do Chính phủ giao;

6. Thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh: Trưởng các Phòng Ban nghiệp vụ; Trưởng Văn phòng đại diện (sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý) và các chức danh khác mà quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý quy định thuộc thẩm quyền của Giám đốc;

8. Quyết định việc tuyển dụng lao động của Quỹ; có quyền tăng, giảm, điều hành, bố trí sắp xếp lao động theo yêu cầu công việc phù hợp với các quy định của Bộ Luật Lao động;

9. Khen thưởng, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân của Quỹ theo quy định của pháp luật;

10. Trong trường hợp khẩn cấp, được quyền áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản lý Quỹ;

11. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật;

12. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ;

13. Ban hành các văn bản quy định về:

- a) Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;
- b) Tổ chức hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;
- c) Chế độ lương, thưởng và phúc lợi xã hội đối với người lao động phù hợp với các quy định của pháp luật;
- d) Các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của Nhà nước theo thẩm quyền và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

14. Trình Hội đồng quản lý:

- a) Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;
- b) Thông qua báo cáo tài chính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;
- c) Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- d) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận việc thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể Văn phòng đại diện Quỹ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- e) Các văn bản khác theo quy định.

15. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

### **Điều 29. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

2. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

## **Chương V**

### **LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG**

#### **Điều 30. Lao động và tuyển dụng lao động**

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo Bộ Luật Lao động và hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với người lao động,

1. Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trên cơ sở phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc theo yêu cầu của Quỹ. Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cụ thể hóa khi có nhu cầu tuyển dụng.

3. Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các điều kiện thực tế của Quỹ và các quy định của Bộ Luật Lao động.

### **Điều 31. Tiền lương**

1. Tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc phù hợp với kết quả hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công như đối với doanh nghiệp nhà nước.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam áp dụng hệ thống thang, bảng lương theo quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp nhà nước.

3. Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế trả lương phù hợp với các quy định của Bộ Luật Lao động.

### **Điều 32. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động**

1. Người lao động tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều lệ này, nội quy lao động và bản thỏa ước lao động tập thể đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật về lao động.

Người lao động được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Người lao động trong thời gian làm việc tại Quỹ được tham gia công tác, học tập, tham quan và khảo sát ở trong nước và nước ngoài khi cần thiết theo sự phân công của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam quy định và pháp luật hiện hành.

**Chương VI**  
**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN**  
**VÀ PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI TÀI CHÍNH**

**Điều 33. Chế độ tài chính**

1. Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính (kèm theo thuyết minh chi tiết) báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

2. Chế độ tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

**Điều 34. Chế độ kế toán**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm.

3. Năm tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

4. Chế độ kế toán của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 35. Báo cáo tài chính và Phê duyệt báo cáo tài chính**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam phải lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ lập, có ý kiến của Ban Kiểm soát và trình Hội đồng quản lý thông qua, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi Bộ Tài chính xem xét, thẩm định và phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 của năm sau.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

### **Điều 36. Kiểm toán**

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tự tổ chức kiểm toán nội bộ về tài chính hoặc thuê kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

Kết quả kiểm toán phải được báo cáo kịp thời với Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ.

### **Điều 37. Phân phối chênh lệch thu chi tài chính**

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ chênh lệch thu chi tài chính hàng năm của Quỹ. Mức trích lập cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Mục đích sử dụng các quỹ:

a) Quỹ bổ sung vốn điều lệ được dùng để tăng vốn điều lệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để: đầu tư mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc theo kế hoạch được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

c) Quỹ khen thưởng được sử dụng để khen thưởng cuối năm hoặc thường xuyên kỳ cho cán bộ viên chức, người lao động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có thành tích trong công tác, học tập tại Quỹ; Thường đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

Quỹ khen thưởng còn được dùng để thưởng cho các cá nhân, tập thể ngoài Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

d) Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo thỏa thuận; Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ viên chức và người lao động Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ viên chức Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác. Giám đốc Quỹ phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này.

## Chương VII

### CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

#### Điều 38. Chế độ thông tin

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về thông tin và bảo mật.

#### Điều 39. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

## Chương VIII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 40. Con dấu

1. Con dấu của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.

2. Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### Điều 41. Tuân thủ pháp luật

Các nội dung về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam không ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật hiện hành.

#### Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam báo cáo và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này ./. *PK*

BỘ TRƯỞNG



Phạm Khôi Nguyên